申請書類一覧表（ベトナム） Hồ sơ xin học trường

※全ての書類に日本語訳が必要です。

Tất cả các giấy tờ đều phải được dịch sang tiếng Nhật

※両面コピーはしないでください。

Không copy 2 mặt

本人関連書類 書類名 Các loại giấy tờ

①入学願書（学校書式） Đơn xin học (theo mẫu nhà trường)

※卒業年月の記入ミスが多いので気を付けてください。

Hãy chú ý ngày tháng tốt nghiệp do hay ghi nhầm

※在学中の学校は、学歴としてカウントしません。

Trường đang học không được tính vào trình độ văn hóa

※日本語試験未受験の場合は、受験予定を必ず記入してください。

Trong trường hợp chưa thi năng lực tiếng Nhật, hãy điền kỳ thi dự định tham gia

②留学理由書（学校書式） Lý do du học (theo mẫu nhà trường)

出来るだけ詳しく書いてください。 Hãy trình bày lý do thật rõ ràng

プリントアウトしてから本人が手書きでサインしてください。

Sau khi in, học sinh tự mình ký

⑦在職証明書 原本 Bản gốc xác nhận việc làm

過去に在職した全ての企業について提出してください。

Nộp giấy chứng nhận của những nơi đã làm việc trong quá khứ

入退職日が入学願書と一致しているか必ず確認してください。

Hãy kiểm tra xem ngày vào và ngày nghỉ việc có khớp với ngày tháng ghi trong đơn xin học hay không

⑧経費支弁書（学校書式） Giấy tờ nguời bảo lãnh (theo mẫu nhà trường)

学費は『年間』を選択し 円と記載してください。

Chọn học phí “Theo năm” và điền 600,000yên vào

最後は必ず経費支弁者本人が手書きでサインしてください。 Người bảo lãnh tự mình ký

戸籍写し Bản photo sổ hộ khẩu

A4 横でコピーし、両面コピーをしないでください

Photo theo khổ A4 nằm ngang, không photo hai mặt

出生証明書原本 Bản gốc giấy khai sinh

申請人 身分証明カード（裏表写し） Bản photo chứng minh thư (2 mặt)

・身分証明番号がはっきり見えるようにコピーしてください。

Hãy copy rõ ràng sao cho đọc được số chứng minh thư

パスポート（写し） Bản photo hộ chiếu

パスポート所有者のみ提出してください。 Chỉ những người đã có hộ chiếu nộp

来日経験者は、出入国日の写しも提出してください。

Những người đã từng đến Nhật thì nộp cả bản photo trang có ngàyđến và về

顔写真 8枚 8 ảnh chân dung

3 センチ×４センチ ảnh 3x4cm

背景は白または青で、3 ケ月以内に撮影したもの

　　Nền xanh hoặc trắng, được chụp trong vòng 3 tháng trở lại